

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2008/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án quy hoạch mạng lưới trường phổ thông thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1998 - 2010 được phê duyệt tại Quyết định số 6805/1998/QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 20/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển xã hội giáo dục giai đoạn 2005 - 2010”;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Đề án đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động giáo dục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án quy hoạch mạng lưới trường phổ thông thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1998 - 2010 được phê duyệt tại Quyết định số 6805/1998/QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 1998 của UBND thành phố Đà Nẵng (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6805/1998/QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

ĐỀ ÁN

**Quy hoạch mạng lưới trường phổ thông
thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1998 đến 2010**
*(Được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 30/2008/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 5 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

Phần I

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI
TRƯỜNG PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
GIAI ĐOẠN 1998 ĐẾN NĂM 2010**

**I. Kết quả thực hiện Đề án quy hoạch mạng lưới trường phổ thông thành phố
Đà Nẵng giai đoạn 1998 - 2007**

Thực hiện Đề án quy hoạch mạng lưới trường phổ thông thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1998 - 2010 đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6805/1998/QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 1998; quá trình triển khai quy hoạch mạng lưới trường phổ thông từ năm 1998 đến năm 2007, kết quả đạt được như sau:

1. Đến năm học 2007-2008, toàn thành phố có 171 trường học phổ thông bao gồm: 100 trường tiểu học (trong đó có 01 trường bán công, 02 trường tiểu học nuôi dạy trẻ khuyết tật), 51 trường THCS, 19 trường THPT (trong đó có 05 trường ngoài công lập) và 01 trường PT cấp 1, 2, 3 (dân lập).

2. Thu hút được 100% trẻ em ở độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi vào học tiểu học, 95% thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 11 đến 17 tuổi và từ 15 đến 21 tuổi học trung học (THCS, THPT, TCCN - DN, GDTX - HN, KTTH - HN)

3. Năm 1997, thành phố Đà Nẵng đã xoá được tình trạng học ca ba.

4. Năm 1998, thành phố Đà Nẵng đã xoá hoàn toàn phòng học tạm, phòng tranh tre, nứa lá.

5. Năm 2001, thành phố Đà Nẵng đã tăng hóa tất cả các trường học vùng lũ, vừa góp phần tăng cường cơ sở vật chất trường học, vừa tạo điều kiện cho nhân dân tránh lũ khi cần thiết.

6. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trường học miền núi, vùng khó khăn đã được tăng cường, Trường THPT Phạm Phú Thứ, THCS Nguyễn Tri Phương tiếp nhận hầu hết học sinh nội trú dân tộc thiểu số. Hệ thống trường học từ tiểu học đến THCS các xã Hoà Bắc, Hoà Liên, Hoà Ninh, Hoà Phú đã được đầu tư xây dựng đáp ứng đủ nhu cầu của địa phương.

7. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các ngành học, bậc học đã tăng lên đáng kể. Đến nay, số trường đã đạt chuẩn toàn thành phố là 82 trường, chiếm tỉ lệ 28,97% cho các cấp học, ngành học ở tất cả các loại hình; trong đó có: 17/112 trường mầm non, chiếm tỉ

lệ 15,2%; 53/100 trường tiểu học, chiếm tỉ lệ 53 %; 10/51 trường THCS, chiếm tỉ lệ 19,6%; 2/20 trường THPT, chiếm tỉ lệ 10%.

8. Xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao: Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm học 2004 - 2005 góp phần nâng cao chất lượng đào tạo có trọng điểm.

9. Quỹ đất cho giáo dục: Trong 9 năm qua, thành phố đã bố trí hơn 485.267m² để xây mới, mở rộng các cơ sở giáo dục. Thành phố Đà Nẵng là một trong những địa phương có nhiều trường đáp ứng đủ diện tích đất theo quy định của điều lệ nhà trường. Một số trường ở nội thành do quỹ đất không còn, thành phố đã có phương án di dời dân để bố trí đất cho trường học, đó là các Trường THCS Hoàng Diệu, THCS Kim Đồng, Tiểu học Phù Đổng, Tiểu học Diên Hồng, Tiểu học Hà Huy Tập...

10. Công tác xã hội hóa, phát huy nội lực: Ở tất cả các cấp học, ngành học đều đã thực hiện tốt công tác xã hội hoá hoạt động giáo dục. Các trường học đã nhận được sự đóng góp, tài trợ đáng kể của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, quốc tế. Đã có nhiều tổ chức xã hội, cá nhân tham gia mở trường tư thục, trường dạy nghề. Kinh phí huy động ngoài ngân sách trong 10 năm qua lên đến gần 200 tỉ đồng.

11. Mạng lưới trường lớp cơ bản phát triển theo quy hoạch đã được duyệt.

Kết quả triển khai thực hiện đề án từ năm 1998 - 2007, cụ thể như sau (có phụ lục chi tiết đính kèm):

- Các hạng mục đã đầu tư gồm:

- + Phòng học xây mới: 2.048 phòng.
- + Phòng học cải tạo, nâng cấp: 4 phòng
- + Phòng học xây dựng mới để thay thế: 303 phòng.
- + Phòng chức năng xây mới: 654 phòng.
- + Phòng hiệu bộ xây mới: 616 phòng.
- + Nhà đa năng: 43 nhà.

- Về nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện đề án giai đoạn 1998 - 2007 là 499,994 tỉ đồng.

- Diện tích đã bố trí để xây dựng trường học: 485.267m²

II. Đánh giá thực trạng mạng lưới trường phổ thông trên địa bàn thành phố tại thời điểm năm học 2007 - 2008

Đề án quy hoạch mạng lưới trường phổ thông thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1998 - 2010 được phê duyệt năm 1998 trước khi có Luật Giáo dục, Điều lệ trường phổ thông, qui chế công nhận trường chuẩn quốc gia, phòng bộ môn đạt chuẩn và thư viện đạt chuẩn ban hành... Do vậy, thực trạng mạng lưới trường phổ thông trên địa bàn thành phố tại thời điểm năm học 2007 - 2008 có những thuận lợi và hạn chế như sau:

1. Hệ thống trường tiểu học

Năm học 2007 - 2008, thành phố Đà Nẵng có 100 trường tiểu học. Mỗi xã, phường có từ 01 đến 03 trường.

a) Về cơ sở vật chất

Tổng số phòng hiện có là 2.375, trong đó có 1.892 phòng học văn hóa, 284 phòng chức năng, 159 phòng thư viện, 8 phòng thí nghiệm và 32 phòng tập TDTT.

Phòng học kiên cố: 2.258 phòng.

Phòng học bán kiên cố: 117 phòng.

b) Những thuận lợi và hạn chế của hệ thống trường tiểu học

Thuận lợi:

- 100% phường, xã đều có trường tiểu học, có phường có 2 - 3 trường, đáp ứng cho nhu cầu học tập của con em nhân dân trên từng địa bàn. Đến nay, có 100% số trường tiểu học tổ chức học 2 buổi/ngày.

- Hệ thống phòng học tạm đủ để thu nhận số lượng học sinh hiện có trên địa bàn mỗi phường.

- Cơ sở vật chất trường học hàng năm được đầu tư, cải tạo, tăng cường.

- Đến nay có 53 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 53 %.

Hạn chế:

- Do ảnh hưởng của việc quy hoạch chỉnh trang đô thị nên việc lập kế hoạch phát triển hàng năm cho một số trường còn bị động.

- Do chia tách phường mới nên vị trí các điểm trường chính không còn phù hợp, như Trường Tiểu học Lê Văn Tám có 3 cơ sở trên địa bàn phường Thanh Khê Tây và phường Hòa Khê.

- Có một số phòng học cấp 4 chưa đúng tiêu chuẩn nhưng chưa được đầu tư thay thế.

- Có tình trạng thừa, thiếu phòng học ở một số trường.

- Thiếu phòng chức năng và phòng làm việc phần lớn là sử dụng phòng học nên hiệu quả sử dụng không cao.

- Thiếu sân chơi, bãi tập do không đủ diện tích đất.

- Còn nhiều trường có 2 cơ sở lẻ trở lên như Trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa, Trần Văn Dư, Nguyễn Như Hạnh, Ông Ích Đường.

2. Hệ thống trường THCS

Năm học 2007 - 2008, có 51 trường THCS.

a) Về cơ sở vật chất

Tổng số phòng hiện có 1.140, trong đó có 828 phòng học văn hóa, 159 phòng bộ môn, 62 phòng thư viện, 81 phòng thí nghiệm và 10 phòng tập TDTT.

Phòng học kiên cố: 1.119 phòng.

Phòng học bán kiên cố: 21 phòng.

b) Những thuận lợi và hạn chế của hệ thống trường THCS

Thuận lợi:

- Hệ thống trường phân bố khá hợp lý theo từng địa bàn xã, phường.
- Trong quá trình phân cấp quản lý, thành phố đã chú trọng đến việc quy hoạch mạng lưới trường lớp, một số trường được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tương đối có hệ thống đảm bảo tiêu chuẩn quy phạm về diện tích đất, về quy cách phòng học. Một số trường đã được cải tạo, nâng cấp, xây thêm phòng học đáp ứng với quy mô phát triển trong những năm trước mắt.
- Các trường được xây dựng mới trong những năm gần đây đảm bảo tiêu chuẩn qui phạm về diện tích đất, về qui cách phòng học.

Hạn chế:

- Vẫn còn một số phòng học nhà cấp 4 hoặc xây dựng trước năm 1990, chắp vá, thiếu qui hoạch, chưa đúng qui chuẩn, xuống cấp.
- Một số trường không đủ phòng bộ môn, hoặc phải sử dụng tạm phòng học để thay thế.
- Trang thiết bị cho các phòng bộ môn của nhiều trường còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu giảng dạy theo phương pháp hiện đại.
- Một số trường có diện tích mặt bằng quá nhỏ, với qui mô phát triển đến năm 2010 các trường không đảm bảo đủ diện tích cho học sinh vui chơi, luyện tập (Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu, Lê Thị Hồng Gấm, Chu Văn An, Lê Hồng Phong, Sào Nam, Trưng Vương, Trần Quý Cáp, Nguyễn Công Trứ...).
- Có 9 xã, phường vừa chia tách trong năm 2005 chưa có trường THCS.
- Số trường đạt chuẩn quốc gia còn ít, đến nay có 10 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 19,6%

3. Hệ thống trường THPT

Năm học 2007 - 2008, có 20 trường THPT (kể cả Trường PT cấp 1,2,3 Hermann).

a) Về cơ sở vật chất

Tổng số phòng hiện có 578 phòng học, trong đó có 426 phòng học văn hoá, 69 phòng bộ môn, 23 phòng thư viện, 50 phòng thí nghiệm và 10 phòng tập TĐTT.

b) Những thuận lợi và hạn chế của mạng lưới THPT trên địa bàn thành phố

Thuận lợi:

Về cơ bản, mạng lưới trường THPT trên thành phố đã đáp ứng được nhu cầu học tập con em nhân dân.

Thành phố đã đầu tư xây dựng Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn với diện tích đất 30.000m², tổng mức đầu tư là 96,6 tỉ đồng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhân tài cho thành phố, Trường THPT Phan Châu Trinh đã được đầu tư xây dựng mới với cơ sở vật chất - kỹ thuật đồng bộ đáp ứng được yêu cầu giảng dạy theo phương

pháp hiện đại.

Hàng năm, các trường THPT được đầu tư xây mới, bổ sung cơ sở vật chất. Đến nay, đã có 2 trường THPT đã đạt chuẩn quốc gia (đó là Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn và Trường THPT Hoàng Hoa Thám), đạt tỉ lệ 10 %.

Khó khăn:

Một số trường THPT có quy mô lớn, tập trung ở trung tâm thành phố như: Trường THPT Phan Châu Trinh 98 lớp, Trường THPT Trần Phú 70 lớp, Trường THPT Thái Phiên 62 lớp.

Sĩ số học sinh trên lớp cao, bình quân từ 50 đến 55 học sinh/lớp.

Một số trường THPT có diện tích đất rất nhỏ, Trường THPT Hoà Vang chỉ đạt 1,87m²/hs, Trường THPT Trần Phú đạt 2,47m²/HS (quy định tối thiểu 6m²/HS).

Phần II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỀ ÁN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TRƯỜNG PHỔ THÔNG GIAI ĐOẠN 1998-2010

I. Cơ sở pháp lý

1. Luật Giáo dục năm 2005 (Luật số 38/2005/QH 11 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 7, từ ngày 05 tháng 5 đến ngày 14 tháng 6 năm 2005).
2. Luật Xây dựng năm 2003 (Luật số 16/2003/QH 11 của Quốc Hội khoá XI, kỳ họp thứ 4, ngày 26 tháng 11 năm 2003).
3. Luật Đất đai năm 2003 (Luật số 23/2003/QH 11 của Quốc Hội khoá XI, kỳ họp thứ 4, ngày 26 tháng 11 năm 2003).
4. Nghị quyết số 40/2000/QH 10 của Quốc hội về việc đổi mới giáo dục phổ thông, Nghị quyết số 41/2000/QH 10 của Quốc hội về phổ cập THCS.
5. Nghị quyết về Giáo dục số 37/2004/QH 11 của Quốc hội khoá XI.
6. Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2010.
7. Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao.
8. Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.
9. Nghị định số 75/2006/NQ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.
10. Nghị định số 92/2006/NQ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.
11. Quyết định số 117/2004/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Phê duyệt chương trình phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu của thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

12. Quyết định số 20/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển xã hội giáo dục giai đoạn 2005 - 2010”.

13. Điều lệ trường Tiểu học, Trung học.

14. Quyết định số 32/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

15. Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010).

16. Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng Ban hành Đề án đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động giáo dục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2010.

II. Nội dung sửa đổi, bổ sung Đề án Quy hoạch mạng lưới trường phổ thông giai đoạn 1998 - 2010

1. Về địa điểm quy hoạch: Trên địa bàn 7 quận, huyện thành phố Đà Nẵng.

2. Quy mô và nội dung đầu tư

2.1. Diện tích đất mở rộng: 579.675 m², ngoài ra diện nâng tầng do không thể mở rộng diện tích là 46.900 m² cho 185 trường (105 trường tiểu học, 56 trường THCS, 24 trường THPT có phụ lục chi tiết kèm theo).

Diện tích đất xây dựng đảm bảo 10 m²/1 hs với những trường xây mới. Những trường cải tạo, phần đầu ở ngoại thành 10 m²/ 1hs, nội thành 6 m²/1 hs. Một số trường ở trung tâm thành phố do không thể mở rộng diện tích, cho phép nâng tầng để tăng diện tích sử dụng. Những nơi có điều kiện cần định hướng quy hoạch các khu vui chơi, giải trí lành mạnh cho học sinh như sân bóng, bể bơi... để giáo dục rèn luyện thể chất cho học sinh.

2.2. Các hạng mục đầu tư chủ yếu

- Phòng học xây mới: 2.486 phòng.
- Phòng học cải tạo, nâng cấp: 38 phòng.
- Phòng học xây dựng mới để thay thế: 418 phòng.
- Phòng chức năng xây mới: 1.244 phòng.
- Phòng hiệu bộ xây mới: 1.173 phòng.
- Nhà đa năng xây mới: 133 nhà.

3. Tổng vốn đầu tư: 889.994.000.000 đồng (Tám trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi bốn triệu đồng).

III. Nội dung triển khai thực hiện đề án giai đoạn 2008 - 2010 (Có phụ lục chi tiết đính kèm).

1. Diện tích đất mở rộng: 94.408 m².

2. Diện tích nâng tầng (do không thể mở rộng): 46.900 m²

3. Các hạng mục đầu tư chủ yếu

- Phòng học xây mới: 438 phòng
- Phòng học cải tạo, nâng cấp: 34 phòng
- Phòng học xây dựng mới để thay thế: 115 phòng.
- Phòng chức năng xây mới: 590 phòng.
- Phòng hiệu bộ xây mới: 557 phòng.
- Nhà đa năng: 90 nhà.

4. Về nguồn vốn

Tổng vốn đầu tư để thực hiện Đề án điều chỉnh mạng lưới trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là **390 tỉ đồng** (chưa kể đền bù giải tỏa).

Dự kiến kế hoạch huy động:

Đvt: Tỷ đồng

Nguồn vốn	
Ngân sách trung ương	105
Ngân sách địa phương	200
Nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	85
Tổng cộng:	390

5. Giải pháp thực hiện

5.1. Xây dựng mạng lưới quy hoạch

5.1.1. Qui hoạch mạng lưới trường tiểu học đến năm học 2010 - 2011

a) Về mạng lưới: Có 105 trường tiểu học (tăng thêm 5 trường so với năm học 2007 - 2008), trong đó, có 103 trường tiểu học công lập, chiếm tỉ lệ 98,08%; có 02 trường tiểu học ngoài công lập, chiếm tỉ lệ 1,92%. Trường công lập thành lập mới chủ yếu ở các xã, phường mới chia tách và tách trường tiểu học có quy mô trên 30 lớp.

b) Về phương án và thời gian chuyển đổi:

Năm học 2008 - 2009

+ Thành lập mới trường tiểu học công lập Quang Trung 2 (Sơn Trà), Bế Văn Đàn 2 (Thanh Khê), Triệu Thị Trinh 2 (Liên Chiểu).

+ Chuyển đổi trường bán công năng khiếu sang loại hình sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm và là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động.

- Năm học 2009 - 2010, 2010 - 2011

+ Thành lập mới trường tiểu học công lập Ngô Sĩ Liên 2 (Liên Chiểu), Trần Cao Vân 2 (Thanh Khê).

+ Thí điểm chuyển một số trường tiểu học công lập ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi sang loại hình dân lập, tư thục.

5.1.2. Qui hoạch mạng lưới trường trung học cơ sở đến năm học 2010 - 2011

a) Về mạng lưới: Có 56 trường THCS (tăng thêm 06 trường so với năm học 2007 - 2008), gồm có 56 trường THCS, chiếm tỉ lệ 100%, có 01 trường phổ thông có học sinh ngoài công lập (trường PT cấp 1, 2, 3 Hermann Gmeiner). Trường mới là trường công lập ở các xã, phường mới chia tách và trường có quy mô trên 40 lớp.

b) Phương án và thời gian chuyển đổi như sau:

- Năm học 2008 - 2009

+ Thành lập mới 05 trường THCS công lập thuộc 04 xã, phường mới chia tách chưa có trường THCS (Khuê Mỹ, Hoà Khê, Hoà Thọ Tây, Hoà An) và thành lập mới trường THCS Hoà Minh 2.

+ Thí điểm chuyển một số trường THCS công lập ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi sang loại hình dân lập, tư thục.

- Năm học 2010 - 2011

+ Thành lập mới trường THCS công lập Lý Tự Trọng 2 (Sơn Trà).

5.1.3. Qui hoạch mạng lưới trường THPT đến năm học 2010 - 2011

a) Về mạng lưới: Có 24 trường THPT (tăng thêm 04 trường so với năm học 2007 - 2008, gồm có 02 trường THPT công lập và 02 trường THPT dân lập hoặc tư thục đạt chuẩn quốc tế), trong đó, có 18 trường công lập, chiếm tỉ lệ 75%; 06 trường dân lập, tư thục, chiếm tỉ lệ 25 %.

b) Phương án và thời gian chuyển đổi

- Năm học 2008 - 2009 và 2009 - 2010

+ Thành lập mới 02 trường THPT công lập: trường THPT thuộc huyện Hoà Vang và trường THPT thuộc quận Hải Châu.

+ Thành lập mới 01 trường đạt chuẩn quốc tế (thuộc loại hình dân lập hoặc tư thục).

+ Khuyến khích thành lập mới 01 trường THPT ngoài công lập thuộc quận Cẩm Lệ.

+ Chuyển trường THPT bán công Nguyễn Hiền, THPT bán công Ngô Quyền sang loại hình công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm và là đơn vị sự nghiệp từng bước tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động.

5.2. Về đất đai : Để giải quyết tốt nhu cầu về đất (diện tích đất bình quân 6m²/học sinh nội thành, 10m²/học sinh ngoại thành), đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí giữa các trường học, nơi thừa, nơi thiếu; hướng giải quyết vấn đề là

- Sử dụng thật hợp lý diện tích đất trường học hiện có, kết hợp bổ sung để diện tích đạt yêu cầu tối thiểu cho học sinh;

- Những trường không thể mở rộng diện tích đất thì cần thiết phải tầng hóa, để trống tầng trệt để có mặt bằng sinh hoạt và học tập, nhưng tầng cao tối đa là 4 tầng;

- Việc quy hoạch các khu dân cư mới cần phải bố trí đất cho công trình giáo dục phù hợp, thuận tiện.

Phần III

TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN

Để triển khai có hiệu quả Đề án quy hoạch mạng lưới trường phổ thông giai đoạn 1998 - 2010 thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân thành phố phân công các ngành, các cấp như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể để thực hiện Đề án;

- Chủ trì và phối hợp với UBND các quận, huyện, các Sở, ban ngành liên quan, hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trường học trực thuộc, các phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai có hiệu quả;

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các dự án kêu gọi các nguồn viện trợ không hoàn lại để tạo nguồn thực hiện Đề án. Giới thiệu rộng rãi dự kiến phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước;

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để ngăn chặn những hành vi làm trái quy định về quản lý quy hoạch mạng lưới trường phổ thông. Theo dõi việc thực hiện quy hoạch và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với nhiệm vụ phát triển hàng năm.

2. Sở Xây dựng

- Chủ trì và phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất các phương án xây dựng trường học đảm bảo tính hiện đại, phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh;

- Tham mưu cho UBND thành phố về việc bổ sung quy hoạch mạng lưới trường tại các khu vực dân cư mới;

- Tham mưu cho UBND thành phố về việc phê duyệt các công trình xây dựng trường học mới theo lộ trình triển khai Đề án giai đoạn 2007 - 2010.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì và phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch, rà soát, điều chỉnh, bổ sung và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại các địa phương, tới các xã, phường nhằm bảo đảm đủ quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây trường học.

4. Sở Tài chính

Chủ trì và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về chế độ phí sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất phù hợp với Luật Đất đai hiện hành, phù hợp với từng loại hình cơ sở dịch vụ và khi chuyển đổi loại hình.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND thành phố bố trí kế hoạch vốn đầu tư theo phân kỳ thực hiện Đề án;
- Chủ trì và phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan đề xuất chính sách đầu tư hoặc hỗ trợ của Nhà nước cho các cơ sở ngoài công lập.

6. Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành kêu gọi đầu tư từ nguồn viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Quản lý nhà nước đối với các đơn vị trường học được phân cấp phù hợp với Luật Giáo dục;
- Chỉ đạo cho phòng GD&ĐT tổ chức tốt công tác quản lý sử dụng đất đai đã được bố trí đối với các đơn vị trường học trực thuộc;
- Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường phù hợp với Luật Đất đai hiện hành;
- Lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm đăng ký vốn xây dựng cơ bản với Sở Kế hoạch và Đầu tư.

8. Các Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Làm đầu mối quản lý qui hoạch mạng lưới trường phổ thông trên địa bàn quận, huyện chịu trách nhiệm phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Quản lý đô thị, Văn phòng UBND và các cơ quan ban, ngành liên quan để thực hiện;
- Chủ trì, chịu trách nhiệm phối hợp với các phòng, ban chức năng của quận, huyện ngành liên quan để triển khai Đề án có hiệu quả;
- Căn cứ quy hoạch được duyệt để lập kế hoạch xây dựng cơ bản, chia tách, thành lập trường mới hàng năm;
- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai có hiệu quả quy hoạch được duyệt, thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng đất.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Tham mưu UBND các quận, huyện trong quá trình đăng ký sử dụng đất, quản lý quỹ đất xây dựng mạng lưới trường học đã được qui hoạch./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh